



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH
WORLDCOTROL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2022

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Thời gian: Từ 9h00 đến 11h30, ngày 17/06/2022

Địa điểm: ĐĐKD số 45 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Thời gian	Nội dung
9h00 đến 9h30	Đón tiếp khách mời và các cổ đông
9h30 đến 9h40	Chào mừng, Khai mạc ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
9h40 đến 9h45	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông
9h45 đến 9h50	Thông qua Chương trình và Quy chế Đại hội
9h50 đến 10h00	Báo cáo hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch thực hiện trong năm 2022 của Công ty
10h00 đến 10h05	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của HDQT
10h05 đến 10h10	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.
10h10 đến 10h15	Tờ trình thông qua về việc quyết toán thù lao HDQT năm 2021 và kế hoạch ngân sách thù lao HDQT năm 2022
10h15 đến 10h20	Tờ trình thông qua về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán năm 2022
10h20 đến 10h30	Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty
10h30 đến 10h40	Nghỉ giải lao
10h40 đến 11h00	Đại hội thảo luận và giải đáp thắc mắc của Cổ đông
11h00 đến 11h15	Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình
11h15 đến 11h30	Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản họp và Nghị quyết
11h30	Bế mạc ĐHĐCĐ thường niên năm 2022



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2022

DỰ THẢO QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Worldcontrol được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/07/2020.

Để Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2022 (gọi tắt là “Đại hội”) của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol (sau đây gọi là “Công ty”) được thành công, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các Cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty, HDQT kinh trình Đại hội Đồng Cổ đông (DHCD) thông qua “Quy chế làm việc của Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2022” (sau đây gọi tắt là Quy chế làm việc) với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng, phạm vi áp dụng và điều kiện tiến hành Đại hội.

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol.
- **Điều kiện để tiến hành Đại hội:** Đại hội được tiến hành khi có số Cổ đông/ Người đại diện Cổ đông/ Người được ủy quyền Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần biểu quyết theo danh sách cổ đông được mời tham dự họp khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông tham dự Đại hội Đồng Cổ đông

2.1 Quyền của các Cổ đông khi tham dự Đại hội

- Các Cổ đông của Công ty có tên trong danh sách chốt ngày 02/05/2022 đều có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol.
- Ngoài các tài liệu phân phối trong Đại hội, mỗi Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận phiếu biểu quyết có Mã số cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu có quyền biểu quyết. Phiếu biểu quyết này được sử dụng khi Chủ toạ đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề đã được thảo luận hoặc xin ý kiến Đại hội.
- Các Cổ đông đến dự Đại hội muộn hơn thời gian quy định có quyền đăng ký tham dự Đại hội và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội nhưng hiệu lực các kết quả biểu quyết tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.2 Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

- Các cổ đông hay người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội theo quy định.



- Trường hợp cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền đến tham dự Đại hội phải xuất trình giấy tờ tùy thân: CMND/Hộ chiếu/The cản cước công dân và Giấy ủy quyền tham dự ĐH theo biểu mẫu của Công ty hoặc/và văn bản ủy quyền tuân thủ theo Luật dân sự (trường hợp cổ đông ủy quyền) đăng ký dự họp trước khi tham dự ĐH.
- Tuân thủ các điều kiện, thể thức quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- Trong thời gian diễn ra Đại hội, các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn và điều phối của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội Đồng Cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của ĐHĐCD, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3: Khách mời tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Khách mời tại Đại hội là khách mời được cổ đông đăng ký mời tham dự tại Đại hội.
- Khách mời không được tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước được Chủ tọa Đại hội đồng ý).
- Số lượng khách mời của cổ đông tham dự tại Đại hội là 01 (một) thành viên và khách mời phải xuất trình giấy tờ tùy thân CMND/The Cản cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp để làm thủ tục đăng ký trước khi tham dự Đại hội.
- Khách mời tham dự phải chấp hành và tuân thủ vô điều kiện Quy chế làm việc của ĐHĐCD. Đối với các trường hợp không tuân thủ, vi phạm quy chế sẽ bị mời ra khỏi Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội Đồng Cổ đông

- Chủ tọa là Chủ tịch HĐQT hoặc là người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền, giữ vai trò chủ trì tại ĐHĐCD, đồng thời Người được ủy quyền phải là thành viên HĐQT.
- Chủ trì và điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua.
- Quyết định về trình tự, thủ tục hoặc giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đã được thông qua.
- Không cần lấy ý kiến của ĐHĐCD, bắt cứ khi nào Chủ tọa cũng có thể hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - + Hành vi của những người có mặt có khả năng gây cản trở, gây rối trật tự, ngăn cản diễn biến trật tự của Đại hội;
 - + Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ và công bằng.
- Áp dụng các biện pháp cần thiết và hợp lý nhằm điều khiển Đại hội diễn ra một cách trật tự, đúng theo Chương trình đã được thông qua.
- Tổ chức trình bày các báo cáo tại Đại hội.
- Tổ chức và hướng dẫn Đại hội thảo luận.



- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội Đồng Cổ đông biểu quyết thông qua.
- Tiến hành Đại hội Đồng Cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền tham dự.

Điều 5: Trách nhiệm của Ban Thư ký

- Ban Thư ký do Chủ toạ chỉ định, chịu trách nhiệm trước Chủ toạ, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Chủ toạ.
- Ban Thư ký ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của Đại hội.
- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của Cổ đông, trình Chủ toạ đưa ra quyết định.
- Hỗ trợ Chủ toạ xác định kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
- Lập và xin ý kiến Đại hội thông qua Biên bản Đại hội.
- Hỗ trợ Chủ toạ công bố các văn bản, kết luận hoặc gửi thông báo của Chủ toạ đến các Cổ đông.

Điều 6: Trách nhiệm của Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông

- Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách Cổ đông.

Điều 7: Phát biểu ý kiến trong Đại hội Đồng Cổ đông

- Cổ đông khi muốn phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ tay, sau khi Chủ toạ tán thành mới được phát biểu. Để thuận tiện việc ghi nhận vào biên bản, khi được mời phát biểu thì Cổ đông giới thiệu tên và mã số cổ đông. Nội dung ý kiến cần ngắn gọn, tránh trùng lặp, mỗi Cổ đông phát biểu không quá 03 phút.
- Trường hợp cổ đông phát biểu hoặc giải đáp thắc mắc với nhiều nội dung có thể lập thành văn bản gửi cho Chủ toạ trước khi phát biểu để được hướng dẫn thảo luận, tránh trường hợp kéo dài thời gian Đại hội.

Điều 8: Biểu quyết tại Đại hội Đồng Cổ đông

- Cổ đông biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng thẻ biểu quyết thông qua mỗi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cổ đông được biểu quyết công khai bằng cách giơ thẻ biểu quyết khi được Chủ toạ hỏi lần lượt các tình trạng biểu quyết (Tán thành/ Không tán thành/ Không có ý kiến).
- Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.
- Các vấn đề biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện theo ủy quyền, trừ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo theo khoản 1, Điều 35 của Điều lệ Công ty chỉ được thông qua khi được sự chấp



thuận của ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- Sau khi đủ điều kiện để tiến hành Đại hội, trường hợp có cổ đông tự ý không tiếp tục tham dự thì DH vẫn tiếp tục tiến hành và kết quả biểu quyết sẽ được tính trên tổng số biểu quyết của các cổ đông dự họp còn lại tán thành và các cổ đông phải chấp hành tuân thủ các Quyết định của cổ đông đã thông qua mà không được kiến nghị, thắc mắc.

Điều 9: Biên bản và Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông

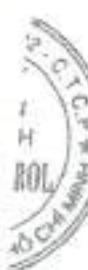
- Các nội dung tại ĐHĐCD phải được Thủ ký Đại hội ghi nhận vào Biên bản và Nghị quyết Đại hội. Biên bản và Nghị quyết Đại hội được đọc cho toàn Đại hội nghe và biểu quyết thông qua trước khi bế mạc.

Điều 10: Điều khoản khác

1. Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm án định khai mạc Đại hội, cuộc họp ĐHĐCD lần thứ 1 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 1 của Quy chế này.
2. Triệu tập cuộc họp ĐHĐCD lần thứ 2 sẽ được tiến hành trong vòng 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCD lần 1 dự định khai mạc. Đại hội được tiến hành khi có số Cổ đông/ Người đại diện Cổ đông/ Người được ủy quyền Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần biểu quyết theo danh sách cổ đông được mời tham dự họp khi quyết định triệu tập Đại hội.
3. Trường hợp triệu tập cuộc họp ĐHĐCD lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định như khoản 2 điều này thì tiến hành triệu tập cuộc họp lần thứ 3 trong vòng 20 ngày kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCD lần 2 dự định tiến hành. Triệu tập cuộc họp lần 3 không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông/ Người được ủy quyền cổ đông tham dự và không phụ thuộc vào tỉ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông/ Người được ủy quyền cổ đông tham dự cuộc họp.

Điều 11: điều khoản thi hành

- Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội Đồng Cổ đông biểu quyết thông qua.



Số: 01/BC-WSC-HDQT

TP. HCM, ngày 12 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021

I. Bối cảnh thực hiện nhiệm vụ năm 2021

1. Tình hình kinh tế

- Năm 2021, một năm đầy biến động với làn sóng đại dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 4 trong giai đoạn Quý III/2021 đã gây ra cuộc khủng hoảng đến hầu hết các nền kinh tế, khu vực kinh tế trên toàn cầu. Theo WTO, tỉ số thương mại hàng hóa chậm lại do sự sụt giảm của nguồn cung và nhu cầu nhập khẩu. Nguyên nhân là do dồn ứ tại cảng do nhu cầu nhập khẩu tăng cao và gián đoạn sản xuất hàng hóa như ô tô và chất bán dẫn.
- Giai đoạn cao điểm của dịch bệnh COVID-19 tại TP HCM và các tỉnh phía Nam phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh dẫn đến một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế.
- Năm vừa qua cũng là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, nước ta đang nỗ lực để hoàn thành mục tiêu đặt ra trong Kế hoạch. Nhưng dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp đã gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh tế, trong đó xuất, nhập khẩu hàng hóa bị ảnh hưởng khá nghiêm trọng. Những biến động, khó khăn đó đã khiến các nước có xu hướng sử dụng sản phẩm nội địa thay cho sản phẩm nhập khẩu khi thực hiện biện pháp đóng cửa biên giới để phòng chống dịch bệnh. Do đó nhiều nước đã sử dụng các biện pháp bảo hộ thương mại, các rào cản kỹ thuật để tăng cường bảo hộ sản phẩm nội địa. Tăng trưởng GDP cả năm chỉ đạt 2,58%, mức thấp nhất trong thập kỷ gần đây. Trong đó, tăng trưởng GDP quý III lần đầu ghi nhận con số âm.

2. Tình hình hoạt động chung của Công ty

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều biến động dẫn đến cạnh tranh gay gắt và khốc liệt từ các tổ chức giám định tham gia trên thị trường trong nước tạo sức ép khi giảm chi phí dịch vụ nhằm lôi kéo khách hàng (vì thực hiện các dịch vụ có chất lượng không đảm bảo) tiếp tục là một phần nguyên nhân làm cho WSC gặp nhiều khó khăn trong mục tiêu tăng trưởng thị phần. Những tác động đó đã ảnh hưởng đến các loại hình dịch vụ của WSC.
- Trong năm 2021, HDQT với vai trò trách nhiệm là đại diện DHDCD trong công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty WSC, đã thực hiện giám sát và có những chỉ đạo

kịp thời cho Ban Giám đốc nhằm nhất quán theo định hướng xuyên suốt và dài hạn, tập trung chỉ đạo, nỗ lực hết sức, không chủ quan, nỗ lực giữ vững các mảng dịch vụ truyền thống. Đảm bảo bảo duy trì hoạt động SXKD và đổi mới những mục tiêu kế hoạch SXKD của Công ty đã được ĐHĐCD thông qua, cụ thể là:

- Giữ vững dịch vụ giám định MMTB và giám định hàng hóa là hai lĩnh vực WSC tập trung duy trì đảm bảo hiệu quả liên tục về hoạt động kinh doanh. Tuy tình hình dịch bệnh COVID-19 có diễn biến phức tạp và ảnh hưởng nghiêm trọng kinh tế nhưng Công ty đã cố gắng và đạt được chỉ tiêu doanh thu 105,5% so với kế hoạch đã đặt ra tăng trưởng 112,4% so với năm 2020 và lợi nhuận trước thuế so với năm 2020 ở mức 83,2%
- Triển khai đầu tư trang thiết bị để tăng tính chủ động và giảm chi phí thuê ngoài trong việc phân tích thử nghiệm, nâng cao hiệu quả kinh doanh, cụ thể là đầu tư máy móc thiết bị cho Phòng Thí nghiệm VILAS 1015 tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Chất thải rắn, Phé liệu từ sắt thép, nhựa, giấy, thủy tinh, kim loại màu, xi hạt.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được đảm bảo hoạt động liên tục, không bị gián đoạn đảm bảo an toàn đời sống, sức khỏe của CBNV trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19.
- Kiểm soát và quản lý hoạt động các VPĐD/Chi nhánh, cung kết nối với nhau, nâng cao hiệu quả hoạt động và phát huy sức mạnh đoàn kết cung cấp cho khách hàng dịch vụ giám định/phân tích thử nghiệm và phát triển dịch vụ mới có liên quan đến mảng dịch vụ cốt lõi của WSC.
- Ban lãnh đạo tích cực chú trọng công tác thu hồi công nợ nhằm giảm thiểu rủi ro và thực hiện tốt việc tiết kiệm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Hệ thống quản lý chất lượng luôn được cập nhật, cải tiến đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và chuyên ngành.
- Công tác quản trị về nguồn lực, kỹ thuật, tài chính, nâng cao ý thức đạo đức nghề nghiệp của CBNV. Chú trọng công tác phúc lợi cho người lao động, thi đua khen thưởng tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa WSC đến toàn thể CBNV Công ty.

II. Đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2021

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị:

HĐQT với nhiệm kỳ 2018-2022 gồm có 03 thành viên, trong đó các thành viên đều tham gia điều hành và giữ vai trò kiêm nhiệm. Nhiệm vụ của từng thành viên:

1. Bà Lưu Thị Lan - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Thực hiện đúng quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT theo quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định liên quan khác. Thay mặt HĐQT chỉ đạo và giám sát mọi hoạt động và các hoạt động khác của Công ty theo định hướng, chiến lược đã được ĐHĐCD thông qua. Đồng thời, là người đại diện pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa

vụ của người đại diện pháp luật trực tiếp chỉ đạo điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện các nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCD, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT/ĐHĐCD thông qua.

2. Bà Lưu Thị Huệ - Thành viên HĐQT kiêm nhiệm phụ trách công tác nội chính và quản trị nhân sự, quản lý tài sản tại Công ty. Nghiêm túc thực hiện và bám sát theo định hướng, chiến lược đã được ĐHĐCD thông qua.
3. Ông Phạm Thanh Hải - Thành viên HĐQT kiêm Phụ trách Kinh doanh thực hiện công tác tiếp thị, đối ngoại, tìm kiếm đối tác kinh doanh; duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng mở rộng phát triển thị trường. Luôn nghiêm túc thực hiện và bám sát theo định hướng, chiến lược đã được ĐHĐCD thông qua

2. Các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2021:

- HĐQT đã chủ động, tích cực cùng với Ban điều hành Công ty nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kịp thời chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT nhằm từng bước tháo gỡ những khó khăn trong đại dịch trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:
 - Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo xây dựng hệ thống quản lý, trong đó Công ty vẫn thực hiện chức năng quản trị, điều phối hỗ trợ các đơn vị, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xử lý kịp thời đáp ứng yêu cầu dịch vụ quản lý Nhà nước, cung cấp các dịch vụ giám định về MMTB, Hàng hoá, Xăng dầu... Các đơn vị trực thuộc cũng được định hướng thực hiện các ngành dịch vụ kinh doanh cốt lõi của Công ty trên địa bàn được phân công, triệt để xử lý hiện tượng cạnh tranh nội bộ trong Công ty.
 - Trong năm 2021, HĐQT với mục tiêu luôn bám sát tình hình diễn biến thực tế của thị trường trong thời điểm dịch bệnh Covid bùng phát, để có các quyết định kịp thời thể hiện sự sâu sát trong công tác giám sát các hoạt động của Ban điều hành. Đồng thời, với sự chỉ đạo của HĐQT, các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đạt được kết quả khả quan, các giải pháp ứng phó tình hình dịch bệnh COVID-19 kịp thời, tập trung phát triển các dịch vụ trọng tâm của Công ty, hoạt động tổ chức SXKD được thực hiện nghiêm túc và khẩn trương.
- Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp với tinh thần ý thức trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, phát huy năng lực của từng thành viên HĐQT, vì lợi ích của các Cổ đông và sự phát triển của Công ty.
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tập trung mục tiêu bám sát Nghị quyết của ĐHĐCD và Điều lệ Công ty, có sự thống nhất, chấp thuận cao của các thành viên HĐQT trong việc xem xét và giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT.

Danh giá chung, HĐQT Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và bộ máy điều hành, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế nội bộ của Công ty và các quy định của pháp luật.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NĂM 2022

- Trong năm 2022, theo như dự báo là sẽ kiểm soát được tình hình dịch bệnh Covid-19 có thể chuyển thành một bệnh đặc hữu. Tuy nhiên, SARS-CoV-2 vẫn là một loại virus khó lường và là mối lo ngại rằng một biến thể khác có khả năng tránh được vaccine và khả năng miễn dịch do nhiễm virus trước đó.
- Hơn nữa, tình hình năm 2021 là một năm đầy khó khăn với ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19, nhưng thành tích xuất siêu tiếp tục được giữ vững. Cho đến hết quý III năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa vẫn nhập siêu 2,55 tỷ USD, nhưng với nỗ lực không ngừng trong quý IV, đến hết năm 2021 cán cân thương mại hàng hóa đã đạt xuất siêu 4,08 tỷ USD. Mặc dù mức xuất siêu năm 2021 chỉ bằng 20% so với mức xuất siêu năm 2020, nhưng trong bối cảnh khó khăn do dịch Covid-19, xuất, nhập khẩu vẫn là điểm sáng và là tiền đề quan trọng để nền kinh tế vững bước vào năm 2022.
- Năm 2022, Việt Nam đã lên kế hoạch phát triển KTXH, tiếp tục cùng xây dựng mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2021-2025 kích hoạt các biện pháp mở cửa thích ứng an toàn và bình thường mới, tiêm đủ vaccine. Các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, tái khởi động và phục hồi nền kinh tế Việt Nam. Linh vực xuất nhập khẩu tăng cao, nhiều doanh nghiệp cũng dần thích ứng linh hoạt trong bối cảnh sau đại dịch Covid-19 cũng như tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng.

WSC dự kiến các chỉ tiêu đặt ra và tăng trưởng tập trung trong Quý III-IV năm 2022. Để thực hiện thành công các mục tiêu tài chính trong năm 2022, HDQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HDQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu kế hoạch được ĐHĐCD phê duyệt.
- Hỗ trợ Ban điều hành để phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 và các nội dung được HDQT và ĐHĐCD phê duyệt phù hợp chiến lược phát triển của Công ty.
- Theo dõi thời hạn nhiệm kỳ HDQT và xây dựng kế hoạch tổ chức cuộc họp DHĐCD bất thường biểu quyết bầu bổ nhiệm HDQT theo nhiệm kỳ mới 2022 – 2026 theo đúng trình tự, thủ tục.
- Tiếp tục hỗ trợ cùng Ban điều hành đẩy mạnh công tác phát triển thị trường bên cạnh đó luôn đồng hành tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để duy trì tăng trưởng cung cấp dịch vụ và phát triển những lĩnh vực mới có tiềm năng.
- Tiếp tục có chính sách giữ vững các dịch vụ cốt lõi, truyền thống; tập trung đầu tư trọng điểm về năng lực kỹ thuật và nhân sự có chuyên môn phù hợp đáp ứng yêu cầu đổi mới các dịch vụ mới, quản lý nhà nước.
- Giám sát chỉ đạo công tác chuẩn hoá hệ thống quản trị; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp quy định pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Công ty; tiếp tục triển khai đẩy mạnh công nghệ thông tin vào công tác quản trị cũng như hoạt động SXKD.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả vốn đầu tư của các cổ đông đảm bảo độ an toàn về mặt tài chính, minh bạch các hoạt động theo đúng quy định.
- Nghiên cứu, xây dựng phát triển nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ bắt kịp xu hướng trong công cuộc chuyển đổi số.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022.

Trân trọng /.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông WSC;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Lưu Thị Lan



Số: 02/BC-WSC-BGD

TP. HCM, ngày 10 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO

TỔNG KẾT CÔNG TÁC SXKD NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021

I. Những thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai kế hoạch SXKD năm 2021

1. Thuận lợi

- Năm 2021 nền kinh tế Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh do tình hình diễn biến phức tạp với những biến chứng mới của dịch bệnh COVID-19. Mặc dù ảnh hưởng đến sự phục hồi kinh tế của cả nước, tuy nhiên với những nỗ lực của Chính phủ được đưa ra kịp thời, quyết liệt nên nền kinh tế trong nước đã có sự hồi phục tích cực trong các tháng cuối năm 2021;
- Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo vẫn luôn theo sát tình hình cũng như cập nhật liên tục các chủ trương của Chính phủ và báo cáo HĐQT kịp thời để rà soát và điều chỉnh lại các mục tiêu kế hoạch trong năm. Luôn nhận được sự đồng thuận và quyết liệt của HĐQT trong việc triển khai các gói giải pháp nhằm ứng phó các biến động bất lợi của nền kinh tế;
- Toàn thể nhân viên có tinh thần đoàn kết, chung sức đồng lòng cùng Ban lãnh đạo thực hiện các giải pháp đã đề ra để cùng doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Đội ngũ cán bộ, nhân viên của WSC được kiện toàn và công tác chuẩn bị đội ngũ quản lý - chuyên môn kỹ cặn, giúp sự ổn định và năng động của Công ty được tăng cao đảm bảo giữ vững hiệu quả SXKD..
- Sự tin tưởng và ủng hộ sử dụng dịch vụ từ các khách hàng truyền thống cũng như từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mặc dù tình hình dịch bệnh có diễn biến phức tạp. Trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ được đến các khách hàng mới nhờ sự ủng hộ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Khó khăn

- Năm vừa qua là một năm đặc biệt khó khăn do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh COVID-19 đặc biệt trong giai đoạn quý II-III/2021 tại TP HCM và các tỉnh phía Nam. Dịch bệnh kéo dài đi cùng các chỉ thị của Chính phủ về các giải pháp ứng phó dịch bệnh giãn cách xã hội gần 3 tháng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến các mục tiêu kế hoạch đã đề ra, đặc biệt là chỉ tiêu doanh thu, chỉ tiêu lợi nhuận;
- Đặc biệt các khó khăn cố hữu của WSC trong những năm vừa qua như: quy mô vốn nhỏ, trang thiết bị vật tư kỹ thuật còn hạn chế, tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn, đội ngũ cán bộ nhân sự không ổn định vẫn trong quá trình vừa làm vừa tích lũy kinh nghiệm;

- Ánh hưởng nặng nề từ dịch bệnh COVID-19 và các chỉ thị của Chính phủ dẫn đến chi phí cho hoạt động kinh doanh tại Công ty tăng cao như các chi phí test COVID-19 khi ra vào các Cảng, chi phí lưu trú cho nhân viên thực hiện theo các yêu cầu của cơ quan chức năng để đảm bảo có thể duy trì hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn tại Công ty. Bên cạnh đó luôn đảm bảo các kinh phí để trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn... Đó là các khoản chi phí liên quan đến người lao động bắt buộc.
- Công ty vừa phải duy trì các khoản chi phí phục vụ phòng chống dịch bệnh vừa chịu áp lực ổn định hoạt động kinh doanh, đảm bảo đời sống cho người lao động vì vậy công tác tiếp thị, tiếp cận khách hàng mới tại Công ty gặp nhiều khó khăn cũng như thiếu đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm trong quá trình tiếp cận và giới thiệu sản phẩm đến khách hàng mới;
- Tình hình cạnh tranh giữa các đối thủ trong ngành ngày càng khốc liệt đặc biệt là cạnh tranh về giá dịch vụ, nhiều đối thủ thực hiện giảm giá dịch vụ rất thấp và có nhiều chính sách ưu đãi để lôi kéo khách hàng của Công ty gây ảnh hưởng không nhỏ đến chỉ tiêu doanh thu.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, thách thức với sự đoàn kết nỗ lực không ngừng của toàn thể nhân viên, Công ty đã thực hiện tốt và đồng bộ các giải pháp ứng phó trong giai đoạn khó khăn, luôn đảm bảo hoạt động SXKD hiệu quả. Tổng kết hoạt động SXKD năm 2021 đạt được một số kết quả đáng khích lệ như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2020	KH TH 2021	Thực hiện 2021	Tỉ lệ so sánh (%) TH 2021 với	
					KH 2021	TH 2020
A	B	1	2	3	4=3/2	4=3/1
1.	Vốn điều lệ	1.800	1.800	1.800	100	100
2.	Doanh thu	24.027	25.600	27.005	105,5	112,4
3.	Lợi nhuận trước thuế	320,92	385	267,02	69,4	83,2
4.	Lợi nhuận sau thuế	275,99	307	229,63	74,8	83,2
5.	Tỷ suất LNST/ VDL	15,3%	17,1%	12,8%		

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán của WSC)

Đánh giá chung: ảnh hưởng nghiêm trọng do dịch bệnh COVID-19 và các chỉ thị của Chính phủ nhằm ứng phó với dịch bệnh tuy nhiên các chỉ tiêu Công ty vẫn đạt được trong năm 2021 so với kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Tình hình kinh tế xã hội giai đoạn quý II -III năm 2021 khó khăn nghiêm trọng cùng thực hiện hàng loạt các giải pháp ứng phó dịch COVID-19 như trợ cấp lưu trú đảm bảo theo phương châm “3 tại chỗ”, phát sinh nhiều nhân sự bắt buộc phải túc trực thay phiên tại hiện trường để đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch bệnh của ban quản lý Cảng nhằm duy trì hoạt động giám định không bị gián đoạn.
- Chính nhờ sự đoàn kết đồng lòng của toàn thể nhân viên cùng Ban lãnh đạo Công ty vượt qua tất cả những khó khăn nên đã đạt chỉ tiêu Doanh thu năm 2021 đạt 27.005 tỷ đồng, đạt 105,5 % so với kế hoạch đề ra và mức tăng trưởng 112,4 % so với năm 2020. Đã cơ bản chăm lo và ổn định đời sống nhân viên, không xảy ra tình trạng người lao động tại công ty mất việc làm vì dịch bệnh COVID-19;
- Ban lãnh đạo bám sát để thực hiện, tham gia, phối hợp trong chỉ đạo của Chính phủ về các giải pháp ứng phó dịch bệnh, vượt qua khó khăn nhằm duy trì hoạt động SXKD do đó chi phí hoạt động của doanh nghiệp cũng bị biến động lớn, lợi nhuận trước thuế năm 2021 là 267,02 triệu đồng, đạt 69,4% so với kế hoạch đề ra và mức 83,2 % so với năm 2020 bên cạnh đó vẫn thực hiện nghiêm túc việc tuân thủ nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định với lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 229,63 triệu đồng, đạt 74,8% so với kế hoạch đề ra và so với năm 2020 là 83,2 %;
- Tỷ suất LNST/ VĐL năm 2021 đạt 12,8 % đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

III. Kết quả thực hiện đầu tư

- Năm 2021, được sự thông qua thực hiện đầu tư mua sắm thêm các máy móc, trang thiết bị phục vụ cho công tác phân tích trong quá trình giám định Phép liệu song song đó là định hướng phát triển lĩnh vực Phân tích – thử nghiệm với tổng mức đầu với tổng giá trị là 1,3 tỷ đồng.

IV. Kết quả thực hiện công tác lao động, đào tạo, hoạt động của các tổ chức đoàn thể

1. Công tác lao động, tiền lương: tổng lao động bình quân trong năm là 80 nhân sự trong đó chiếm 50% là nhân viên thời vụ phục vụ cho hợp đồng đặc thù. Thu nhập bình quân đạt là 9,8 trđ/người/tháng.
2. Công tác quy hoạch nhân sự Công ty đặc biệt quan tâm, công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động được thực hiện theo đúng nguyên tắc, đúng quy trình và đảm bảo chất lượng.
3. Công tác đào tạo: do tình hình dịch bệnh COVID-19 nên trong năm không cử đào tạo tập huấn bên ngoài tuy nhiên vẫn chú trọng công tác đào tạo nội bộ. Tổng kinh phí đào tạo trong năm 2021 khoảng 21.000.000 đồng với 30 lượt đào tạo.
4. Công tác an sinh – xã hội: Công ty luôn xem công tác An sinh xã hội là một trong những hoạt động ưu tiên hàng đầu, được triển khai, thực hiện một cách thường xuyên và đúng trọng tâm nhằm giúp ích cho CBNV. Bên cạnh đó hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ và các cơ quan ban ngành về việc sớm mang cơ hội cho người lao động được tiêm ngừa, góp phần ngăn chặn dịch bệnh, Công ty đã có những chính sách phù hợp để người lao động được tiêm phòng sớm nhất.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. Dự đoán bối cảnh năm 2022

1. Thuận lợi

- Nhờ những quyết sách đúng đắn, linh hoạt, đồng bộ và hiệu quả, Việt Nam đã thành công trong ứng phó đại dịch và duy trì khá tốt động lực tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội năm 2022 sớm đưa cả nước thích nghi xã hội bình thường mới; đây là nền tảng để Việt Nam tự tin tiếp tục trở thành nước có mức tăng trưởng kinh tế cao hàng đầu của khu vực trong năm 2022.
- Dự báo tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực do nhiều yếu tố thuận lợi cho tăng trưởng như tiếp tục thực hiện cải cách thể chế và cải thiện môi trường đầu tư.
- Nhận được sự tin nhiệm của các cơ quan nhà nước như: Phòng cảnh sát chống buôn lậu, Phòng cảnh sát môi trường, Tổng Cục Hải quan cùng các chi cục Hải quan ở các tỉnh, thành phố lớn... về chất lượng dịch vụ và thương hiệu. Từ đó, WSC đã cung cấp thêm dịch vụ có thể mạnh của mình để nâng cao hiệu quả SXKD.
- Trong năm 2022, đặc biệt, kỳ vọng tạo những đột phá toàn diện và sâu sắc hơn trên hành trình đổi mới và hiện đại hóa ở Việt Nam cũng đang được định vị và mở ra từ sự nhất trí cao trong Đại hội XIII đã được thực hiện theo hướng tích cực.

2. Khó khăn

- Sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường ngày càng tăng, các đối thủ trong quá trình tìm kiếm giải pháp để tồn tại sẽ thực hiện các bước cạnh tranh tiêu cực về giá, chất lượng dịch vụ và bằng các áp lực khác đối với WSC;
- Với phạm vi hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, cơ sở vật chất chưa hoàn thiện dẫn đến chi phí lớn liên quan việc thuê mướn nhân sự, máy móc thiết bị phục vụ công việc và các chi phí quản lý khác;
- Các khách hàng ngày càng thực hiện mạnh giải pháp tiết kiệm chi phí cũng như giá tăng yêu cầu về năng lực cạnh tranh đối với nhà thầu, đặc biệt là năng lực tài chính buộc WSC phải nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm giá thành gây khó khăn đối với tình hình SXKD;
- Các chính sách, quy định của Pháp luật đối với lĩnh vực giám định đặc biệt là lĩnh vực giám định thế mạnh (giám định máy móc thiết bị theo quyết định 18 của chính phủ, giám định phê duyệt) vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tiềm ẩn nhiều bất cập;
- Nhiều biến động liên quan đến lĩnh vực giám định dẫn đến việc các cơ quan ban ngành có nhiều hoạt động thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ công tác giám định đảm bảo tính đúng đắn độc lập, khách quan do đó đòi hỏi nhiều công sức và chi phí cho việc chuẩn bị, tổ chức đón tiếp phục vụ việc thanh, kiểm tra.
- Năm 2022 là thời điểm các giấy phép chức năng phục vụ hoạt động giám định tại Công ty đồng loạt hết hiệu lực, công tác chuẩn bị hồ sơ xin giấy phép cũng gặp nhiều khó

khăn do thiếu nguồn nhân lực có kinh nghiệm cũng như các quy định về hoạt động giám định khắt khe hơn.

II. Nhiệm vụ trọng tâm

Căn cứ dự báo về bối cảnh năm 2022, các kết quả đã đạt được trong năm 2021 và các mục tiêu trung hạn của Công ty. Nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu duy trì và tăng trưởng, từng bước nâng cao hiệu quả SXKD của WSC để tạo tiền đề đột phá trong những năm kế tiếp, Ban điều hành WSC đã xây dựng nhiệm vụ trọng tâm của WSC trong năm 2022 như sau:

- Tiếp tục hoàn thành việc đăng ký với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được gia hạn giấy phép hoạt động cho các lĩnh vực SXKD hiện tại của Công ty, đồng thời mở rộng các dịch vụ giám định mới như: giám định máy móc thiết bị nông nghiệp thuộc bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý, giám định phân bón – thức ăn chăn nuôi...
- Duy trì mục tiêu chính là: ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống cho người lao động, phấn đấu không để xảy ra tình trạng chậm lương hoặc sa thải lao động do khó khăn vì việc làm;
- Rà soát, đánh giá lại thực trạng nguồn lực nhân sự để xây dựng kế hoạch tuyển dụng bên cạnh đó là cơ chế lương, thường phù hợp; Thực hiện kiện toàn lại bộ máy theo hướng chuyên nghiệp, phân công phân nhiệm rõ ràng theo đúng năng lực và vị trí chuyên môn;
- Tiết kiệm tối đa chi phí với giải pháp cốt lõi là tối ưu chi phí giá vốn trong từng công việc kết hợp với kiểm soát ngân sách và chi tiêu hợp lý;
- Kiện toàn hệ thống quy chế, quy định nội bộ và quy trình nghiệp vụ để áp dụng thống nhất trong Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty;
- Tập trung đẩy mạnh công tác tiếp thị, đầu tư nhằm phát triển thị trường. Đặc biệt quan tâm công tác tiếp thị đối với những lĩnh vực có thể mạnh. Tiếp tục hợp tác với các đối tác/ khách hàng để phát triển năng lực cạnh tranh của Công ty;
- Đầu tư xây dựng thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị để tăng tính chủ động và giảm chi phí thuê ngoài, nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Thực hiện thành công các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

III. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022:

1. Chỉ tiêu về tài chính:

STT	Chỉ tiêu	DVT	KH 2021
I	Chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	1.800
3	Doanh thu	Triệu đồng	29.500
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	295
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	255

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	%	14,2

2. Các chỉ tiêu đầu tư:

- Để đảm bảo các hoạt động thường xuyên của Công ty, bên cạnh việc sử dụng các dịch vụ cho thuê thiết bị của các đối tác, Công ty WSC dự kiến thực hiện mua sắm các trang thiết bị trong năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu đầu tư	Đơn vị	Kế hoạch 2022
1.	Máy móc – thiết bị	Triệu đồng	600
2.	Công cụ dụng cụ	Triệu đồng	100
3.	Thiết bị văn phòng	Triệu đồng	50
Tổng cộng		Triệu đồng	750

3. Các chỉ tiêu về nhân sự:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1	Lao động và thu nhập			
	- Số lao động cuối kỳ	Người	79	84
	- Số lao động bình quân trong kỳ	Người	84	80
	- Thu nhập bình quân	Tr/ng/thg	9,8	10,9
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người	30	30
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Triệu đồng	21	50

4. Giải pháp

Nhằm thực hiện thành công các mục tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm của WSC trong năm 2022 như đã đề ra, Ban điều hành đã xây dựng các giải pháp thực hiện như sau:

- Chủ trọng xây dựng chính sách cung cấp dịch vụ linh hoạt, kịp thời, giả cả phù hợp nhằm tăng sức cạnh tranh với các đối thủ khác. Thực hiện tốt công tác phát triển thị trường.
- Tìm kiếm các nhà đầu tư/ đối tác có năng lực về kỹ thuật cũng như tài chính để thực hiện liên danh, liên kết và/hoặc mời tham gia trở thành cổ đông chiến lược của Công ty để nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Thực hiện theo dõi thường xuyên các hiệu lực giấy phép chức năng của Công ty đảm bảo đủ thời gian để thực hiện chuẩn bị hồ sơ đánh giá hàng năm cũng như đánh giá mới, mở rộng các lĩnh vực cần khai thác mới nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Xây dựng cơ chế lương, thưởng theo hiệu quả SXKD theo nguyên tắc trách nhiệm đi đôi với quyền lợi để khuyến khích người lao động cũng như thu hút, giữ chân nguồn lao

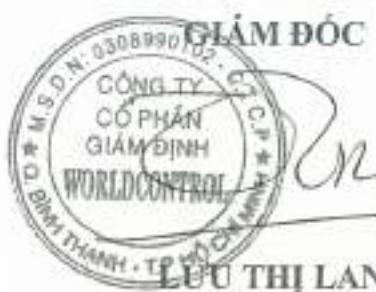
động có trình độ chuyên môn cao. Kết hợp với công tác tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân sự có chất lượng cao để nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Lập kế hoạch thực hiện và phương án đầu tư, nhằm đảm bảo kế quả thực hiện đầu tư tại Công ty luôn có hiệu quả.
- Thực hiện tốt công tác quản trị dòng tiền tăng khả năng xoay vòng vốn, đảm bảo dù nguồn vốn để thực hiện SXKD tiến tới giảm phụ thuộc vào vốn vay nhằm nâng cao tính chủ động và giảm áp lực lãi vay trong bối cảnh WSC có nguồn vốn điều lệ thấp so với các đơn vị cùng lĩnh vực.

Trân trọng kính trinh./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông WSC;
- HĐQT WSC (đề b/c);
- Lưu: VT.



TỜ TRÌNH

V/v quyết toán thù lao HĐQT năm 2021 và kế hoạch ngân sách thù lao HĐQT năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/07/2020;*
- *Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-DHCD-2021 ngày 27/05/2021 thông qua các nội dung Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua quyết toán thù lao HĐQT năm 2021 và kế hoạch ngân sách thù lao HĐQT năm 2022 như sau:

I. QUYẾT TOÁN THÙ LAO NĂM 2021 CỦA HĐQT:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm: 10.000.000 đồng/người/tháng. Tổng cộng là 120.000.000 đồng, cụ thể là:
 - + Thù lao cho Bà Lưu Thị Lan – chủ tịch HĐQT (từ 01/2021 – 12/2021): 120.000.000 đồng.
- Thù lao của Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 5.000.000 đồng/ người/ tháng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng, cụ thể là:
 - + Thù lao cho Bà Lưu Thị Huệ - thành viên HĐQT kiêm nhiệm (từ 01/2021 – 12/2021): 60.000.000 đồng.
 - + Thù lao cho Ông Phạm Thanh Hải – thành viên HĐQT kiêm nhiệm (từ 01/2021 – 12/2021): 60.000.000 đồng.

II. KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH THÙ LAO NĂM 2022 CỦA HĐQT:

Thành viên HĐQT kiêm nhiệm:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 5.000.000 đồng/ người/ tháng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Noi nhận:

- Như trên ;
- HĐQT;
- Lưu VT, TCKT;.



Lưu Thị Lan

PHỤ LỤC I: THỦ LÃO HĐQT KIÊM NHẬM NĂM 2021

Đơn vị: đồng

STT	TIỀN LƯƠNG - THỦ LAO	CHỨC VỤ	THỜI GIAN	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	CỘNG
I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ								
1	Lưu Thị Lan	Chủ tịch	Tháng 01/2021 – 12/2021	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	120.000.000
2	Lưu Thị Huệ	Thành viên	Tháng 01/2021 – 12/2021	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	60.000.000
3	Phạm Thanh Hải	Thành viên	Tháng 01/2021 – 12/2021	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	60.000.000
II CỘNG								
	HĐQT kiêm nhiệm			60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	240.000.000



TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 và phương án phân phối lợi nhuận 2021 của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol**

- *Căn cứ quy định hiện hành của nhà nước và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, Ngành trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/07/2020;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long;*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 được lập và tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty như sau:

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 (*nhiều chi tiết kèm theo*);
2. Đề bù sung nguồn vốn lưu động và đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nên kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không phân phối lợi nhuận của năm 2021.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu VT, HĐQT.
- Dính kèm:
- BCTC năm 2021 đã được kiểm toán



Lưu Thị Lan

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**

MST: 0308990102

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
3.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
	- Bảng cân đối kế toán	6 - 9
	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
	- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phàn Giám Định Worldcontrol trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2021 kết thúc ngày 31/12/2021.

1- Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phàn Giám Định Worldcontrol (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phàn, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308990102 đăng ký lần đầu ngày 10/06/2009 và thay đổi lần 10 ngày 28/01/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308990102 ngày 10/06/2009, lĩnh vực hoạt động của Công ty là: Dịch vụ giám định thương mại. Tư vấn về chuyển giao công nghệ.

Vốn điều lệ của Công ty: 1.800.000.000 đồng

Trụ sở chính của Công ty: 144/16 Võ Duy Ninh, P22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM, Việt Nam.

Các chi nhánh và văn phòng đại diện bao gồm:

1/ CHI NHÀNG CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL

Địa chỉ: 3/19 Nguyễn Thị Định - Phường 9 - Thành Phố Vũng Tàu - Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mã số chi nhánh: 0308990102-002 - 04/11/2014

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

2/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ TĨNH

Địa chỉ: Tô dân phố Lê Lợi - Phường Kỳ Liên - Thị xã Kỳ Anh - Hà Tĩnh.

Mã số VPĐD: 0308990102-003 - 12/04/2016

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

3/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 29 đường Lưu Hữu Phước - Phường Hải Cảng - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định.

Mã số VPĐD: 0308990102-004 - 08/02/2018

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

4/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 441 đường Đà Nẵng - Phường Đông Hải 1 - Quận Hải An - Hải Phòng.

Mã số VPĐD: 0308990102-005 - 06/04/2019

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hoàng Dương

5/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Lô C12 -29 KDC Nam Cầu Cảm Lè - Phường Hòa Xuân - Quận Cẩm Lè - Đà Nẵng.

Mã số VPĐD: 0308990102-006 - 09/03/2020

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Trung

6/ Địa điểm kinh doanh: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL

Địa chỉ: 45 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính đã bao gồm số liệu của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh trên. Ngoài ra Công ty không còn chi nhánh, văn phòng đại diện nào khác.

2- Thông tin về tài khoản ngân hàng:

- Tài khoản VND số:	060119551687	Tại NH Sacombank CN Bến Thành
- Tài khoản VND số:	0531002495053	Tại NH Vietcombank CN Gia Định
- Tài khoản VND số:	5556663979	Tại NH Vietcombank CN Gia Định
- Tài khoản VND số:	112000112376	Tại NH Vietinbank CN 4 Tp.HCM
- Tài khoản VND số:	9140424B3600001	Tại NH Nam Á CN Trường Chinh

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL

144/16 Võ Duy Ninh, P22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM, Việt Nam

- Tài khoản USD số: 112002809125 Tại NH Vietinbank CN 4 Tp.HCM

3- Các sự kiện trong năm tài chính, các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Không có

4- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Bà: LUU THI LAN	Chủ tịch
- Ông: PHẠM THANH HẢI	Thành viên
- Bà: LUU THI HUẾ	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

- Bà: LUU THI LAN	Giám đốc
- Ông: PHẠM VĂN KHOA	Phó Giám đốc

5- Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2021 (Đơn vị tính: VND)

- Tổng thu nhập	:	27.005.536.154
- Các khoản giảm trừ doanh thu	:	-
- Tổng chi phí và giá vốn	:	26.738.519.252
- Lãi/(lỗ) trước thuế	:	267.016.902
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	37.382.366
- Lãi/(lỗ) sau thuế	:	229.634.536

6- Kiểm toán viên

Chi nhánh miền Nam Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thành Long - T.D.K là Công ty kiểm toán được lựa chọn và bày tỏ nguyên vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

7- Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tính chính xác của các hồ sơ đã cung cấp cho Công ty kiểm toán;
- Chị trách nhiệm giải trình về các hồ sơ, thông tin chưa cung cấp cho Công ty kiểm toán;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Kể từ ngày báo cáo kiểm toán được phát hành, ban giám đốc có trách nhiệm xem xét những ý kiến đóng góp của công ty kiểm toán trên thư quản lý đính kèm báo cáo kiểm toán này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL

144/16 Võ Duy Ninh, P22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM, Việt Nam

Ban giám đốc công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám Đốc



Ngày 30 tháng 03 năm 2022





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THÀNH LONG - T.D.K
CHI NHÁNH MIỀN NAM
THÀNH LONG - T.D.K AUDITING & VALUATION CO., LTD (SOUTHERN BRANCH)
Office: C14, Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84.28) 3589 7462/63 - (84.28) 2216 4309
Email: kiemtoantdk@gmail.com

Fax: (84.28) 3589 7464
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn

Số: 00822/TDK-KT

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol (sau đây gọi tắt là Công ty) được lập ngày 30/03/2021 từ trang 6 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Giám Định Worldcontrol tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

V.L



L

ĐÀO THỊ LINH NGUYỄN

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3907-2022-045-1

NGUYỄN VŨ HƯNG THỊNH

Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Nam

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2826-2020-045-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm Toán & Định Giá Thủ Long



BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.274.714.527	2.650.980.630
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.030.050.723	422.936.801
1. Tiền	111	V.1	3.030.050.723	422.936.801
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.047.861.908	2.194.058.666
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.961.635.658	2.162.527.166
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	36.226.250	31.531.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	50.000.000	50.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiêu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		196.801.896	33.985.163
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	196.801.896	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	33.985.163
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.327.929.678	421.538.504
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.327.929.678	421.538.504
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.327.929.678	421.538.504
- Nguyên giá	222		3.733.836.364	2.551.636.364
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(2.405.906.686)	(2.130.097.880)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.602.644.205	3.072.519.134

Các Thuyết minh kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.232.933.170	656.448.982
I. Nợ ngắn hạn	310		4.232.933.170	656.448.982
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	2.167.366.667	193.545.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	1.663.381.949	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	191.192.549	378.339.603
4. Phải trả người lao động	314		-	152.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	288.061.786	9.634.160
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(77.069.781)	(77.069.781)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuê thu nhập hoàn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.369.711.035	2.416.070.152
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	2.369.711.035	2.416.070.152
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.800.000.000	1.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.800.000.000	1.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		50.808.986	50.808.986
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		50.808.986	50.808.986
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		468.093.063	514.452.180
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		238.458.527	238.458.527
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		229.634.536	275.993.653
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.602.644.205	3.072.519.134

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

Kế Toán Trưởng

Lê Thị Hồng Nga



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

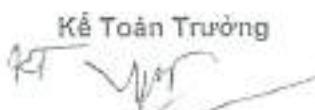
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	27.004.585.930	24.026.777.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.004.585.930	24.026.777.217
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.609.921.569	17.494.255.173
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.394.664.361	6.532.522.044
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	950.223	1.933.973
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	2.371.214
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2.301.168
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.2	417.448.036	950.239.486
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.7.1	6.699.708.850	5.259.624.359
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		278.457.668	322.220.958
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1	1
12. Chi phí khác	32	VI.6	11.440.767	1.298.106
13. Lợi nhuận khác	40		(11.440.766)	(1.298.105)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		267.016.902	320.922.853
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	37.382.366	44.929.200
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		229.634.536	275.993.653

Ghi chú: Năm 2019 - 2021, công ty chưa kiểm tra quyết toán thuế

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

Kế Toán Trưởng

 Lê Thị Hồng Ngát



LÊU THỊ LAN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		29.029.278.590	25.622.531.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(17.920.812.518)	(18.241.187.733)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.575.048.463)	(7.868.149.884)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(199.716.623)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.298.303.756	755.068.698
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.041.357.666)	(3.163.791.108)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.788.363.699	(3.095.245.650)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.182.200.000)	IN 1.182.200.000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	W 0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	H 0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		950.223	1.933.974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.181.249.777)	1.933.974
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lãi vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(75.000.014)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(872.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(75.872.014)

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)	50		2.607.113.922	(3.169.183.690)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		422.936.801	3.592.120.491
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70		3.030.050.723	422.936.801

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

Kế Toán Trưởng



LƯU THỊ LAN



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính định kỳ.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giám Định Worldcontrol (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308990102 đăng ký lần đầu ngày 10/06/2009 và thay đổi lần 10 ngày 28/01/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 1.800.000.000 đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

7490 (Chính)	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Dịch vụ giám định thương mại. Tư vấn về chuyên giao công nghệ
8129	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác chi tiết: Dịch vụ trừ mối, côn trùng (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)
7020	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: Giao nhận hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Môi giới thuê tàu biển, máy bay (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không)
4610	Đại lý, môi giới, đầu giá chi tiết: Đại lý, Môi giới
7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
6820	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, định giá bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý)
7310	Quảng cáo
8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đao cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xỉ mạ điện tại trụ sở)
3314	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xỉ mạ điện tại trụ sở)
3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xỉ mạ điện tại trụ sở)
3319	Sửa chữa thiết bị khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xỉ mạ điện tại trụ sở)
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xỉ mạ điện tại trụ sở)
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xỉ mạ điện tại trụ sở)
7710	Cho thuê xe có động cơ
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị văn phòng
7740	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính, chi tiết: Cho thuê thương hiệu
7810	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm chi tiết: Hoạt động của đại lý, tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm (trừ cho thuê lại lao động)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B.09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính định kèm.

7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp; Hoạt động đúc bê tông Lắp dự án đầu tư; Lắp tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng; Tư vấn đầu thầu; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh (không tồn trữ hóa chất))
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Trụ sở chính của Công ty: 144/16 Võ Duy Ninh, P22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM, Việt Nam.

- Các chi nhánh và văn phòng đại diện bao gồm:

1/ CHI NHÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL

Địa chỉ: 3/19 Nguyễn Thị Định - Phường 9 - Thành Phố Vũng Tàu - Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mã số chi nhánh: 0308990102-002 - 04/11/2014

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

2/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ TĨNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Lê Lợi - Phường Kỳ Liên - Thị xã Kỳ Anh - Hà Tĩnh.

Mã số VPĐD: 0308990102-003 - 12/04/2016

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

3/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 29 đường Lưu Hữu Phước - Phường Hải Cảng - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định.

Mã số VPĐD: 0308990102-004 - 09/02/2018

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

4/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 441 đường Đà Nẵng - Phường Đông Hải 1 - Quận Hải An - Hải Phòng.

Mã số VPĐD: 0308990102-005 - 06/04/2019

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hoàng Dương

5/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Lô C12 -29 KDC Nam Cầu Cẩm Lệ - Phường Hòa Xuân - Quận Cẩm Lệ - Đà Nẵng.

Mã số VPĐD: 0308990102-006 - 09/03/2020

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Trung

6/ Địa điểm kinh doanh: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL

Địa chỉ: 45 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính đã bao gồm số liệu của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh trên. Ngoài ra Công ty không còn chi nhánh, văn phòng đại diện nào khác.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính có thể so sánh được theo quy định của Luật kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Thẻ hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính định kèm.

II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Ký kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Ký kế toán năm 2021 bắt đầu từ ngày 01/01/2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản dài hạn.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

3.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

3.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính định kèm.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí khác

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 1 đến 2 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thu nhập nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

8.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính định kèm.

8.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

9.1. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình lầm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

9.2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoàn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cũng về thuế TNDN thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

11. Các loại thuế khác

Các loại thuế khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau theo từng thời kỳ có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính định kèm.

Mẫu số B.09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC VÀO NGÀY 31/12/2021

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
- Tiền mặt bằng đồng Việt Nam	2.806.931.032	78.369.106
- Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam	217.297.784	338.262.362
- Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Ngoại tệ	5.821.907	6.305.326
Cộng	3.030.050.723	422.936.801

Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam

Tài khoản số 060119551687 tại Sacombank	6.209.292	%
Tài khoản số 0531002495053 tại Vietcombank	3.720.839	%
Tài khoản số 5556663979 tại Vietcombank	27.844.076	%
Tài khoản số 112000112376 tại Vietinbank	171.796.374	%
Tài khoản số 914042483600001 tại NH Nam Á	7.727.203	%
Cộng	217.297.784	%

Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng đồng ngoại tệ

Tài khoản số 112002809125 USD tại ngân hàng Vietinbank	5.821.907	251,10 USC
Cộng	5.821.907	

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Cty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	938.606.681	644.486.671
- Cty TNHH Thiên Ân Seafood	2.700.000	2.700.000
- Cty TNHH Cheng Loong Bình Dương Paper	44.250.000	61.050.000
- Cty TNHH Hòa Chất Hyosung Vina	84.680.000	48.200.000
- Cty CP Giấy Sài Gòn	3.300.000	3.950.000
- Cty CP DV LD VH BD Công Trình Dầu Khi Biển PTSC	17.600.000	17.600.000
- Cty CP Đông Hải Bến Tre	22.720.500	124.740.00
- Cty CP Giấy Minh Hưng	17.600.000	66.800.00
- Cty TNHH TM ĐT Hưng Phát Đạt	164.384.000	121.880.00
- Cty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	408.980.000	360.932.00
- Cty Bảo Hiểm Hàng Không TP. HCM	-	29.408.50
- Cty TNHH An Phú Mỹ	173.800.000	173.800.00
- Cty CP Q.M.T - Jp Plastic	-	13.200.00

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính định kerm.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Cty CP Mỏ Neo Vàng	-	6.600.000
- CN 1 Cty TNHH SX TM Vương Kim Long	44.000.000	77.550.000
- Cty CP TM V& DV Dầu Khoi Vũng Tàu	-	41.470.000
- Cty TNHH TBC Logistics	-	281.050.000
- Cty TNHH Giao Nhận Vận Tải Bầu Trời Xanh	-	22.000.000
- Cty TNHH MTV Công Nghiệp Germton	-	45.000.000
- Tổng Cty Bảo Hiểm PVI	-	22.099.996
- Cty CP Thiết Bị V& Công Nghệ VTG	30.006.960	
- Công Ty TNHH Giám Định Kiểm Định An Toàn Thiết Bị Cảng	810.000	
- Công Ty TNHH Đầu Tư Y Tế Vm 68	7.700.000	
- Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Công Nghiệp Á Châu	20.497.517	
- Cộng	<u>1.961.635.658</u>	<u>2.162.527.168</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Cty TNHH Nhị Hò	19.978.750	31.531.500
- Cty TNHH Y Tê Hòa Hảo	16.247.500	
- Cộng	<u>36.226.250</u>	<u>31.531.500</u>

4. Các khoản phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Kỳ cược, kỳ quỹ	50.000.000	
- Cộng	<u>60.000.000</u>	<u>10</u>

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm		958.300.000	1.560.119.182	33.218.182	2.551.638.384
Mua trong năm			1.182.200.000		1.182.200.000
Số dư cuối năm	-	958.300.000	2.742.318.182	33.218.182	3.733.836.364
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		958.300.000	1.138.579.678	33.218.182	2.130.097.860
Khấu hao trong năm			275.808.826		275.808.826
Số dư cuối năm	-	958.300.000	1.414.388.504	33.218.182	2.405.906.686
Giá trị còn lại					
Tai ngày đầu năm	-	-	421.538.504	-	421.538.504
Tai ngày cuối năm	-	-	1.327.929.678	-	1.327.929.678

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Công cụ dụng cụ và các khoản khác	196.801.896	
- Cộng	<u>196.801.896</u>	<u>196.801.896</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính định kỳ.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11.2. Chi tiết giám đốc

Chia lợi nhuận sau thuế năm 2020 đầu tư để mua TSCĐ: 275.993.653 đồng.

11.3. Chi tiết Vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
- Bà Lưu Thị Lan	720.000.000	720.000.000
- Ông Phạm Thành Hải	90.000.000	720.000.000
- Các cổ đông khác	990.000.000	360.000.000
- Cộng	<u>1.800.000.000</u>	<u>1.800.000.000</u>

11.4. Chi tiết trích quỹ

	31/12/2021	01/01/2021
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10%	50.808.986	50.808.986
- Trích Quỹ dự phòng tài chính 5%	25.404.493	25.404.493
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 5%	25.404.493	25.404.493
	<u>101.617.972</u>	<u>101.617.972</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
- Doanh thu bán hàng và cung cấp Dịch vụ	27.004.585.930	24.026.777.211
- Cộng	<u>27.004.585.930</u>	<u>24.026.777.211</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
- Giá vốn của hàng bán và cung cấp Dịch vụ	19.609.921.569	17.494.255.173
- Cộng	<u>19.609.921.569</u>	<u>17.494.255.173</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	950.223	609.475
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.324.498
- Cộng	<u>950.223</u>	<u>1.933.973</u>

4. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
- Lãi tiền vay	-	2.301.162
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	70.048
- Cộng	<u>0</u>	<u>2.371.214</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm độ kế toán 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Thu nhập khác

- Các khoản khác
- Cộng

	Năm 2021	Năm 2020
	1	1
	1	1

6. Chi phí khác

- Các khoản khác
- Cộng

	Năm 2021	Năm 2020
	11.440.767	1.298.106
	11.440.767	1.298.106

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

7.1. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Thuế, phí và lê phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác
- Cộng

	Năm 2021	Năm 2020
	4.986.603.613	3.388.379.336
	319.256.889	-
	141.705.192	161.082.466
	-	8.000.000
	1.080.964.937	643.264.480
	171.178.249	1.058.898.077
	6.699.708.860	5.259.624.359
		10

7.2. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác
- Cộng

	Năm 2021	Năm 2020
	-	94.696.968
	240.485.036	577.360.085
	176.963.000	278.132.433
	417.448.036	950.239.486
		10

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Cộng

	Năm 2021	Năm 2020
	37.382.366	44.929.200
	37.382.366	44.929.200

Kế Toán Trưởng

tên: Thị Hồng Nga

Ngày 30 tháng 03 năm 2022



LƯU THỊ LAN

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol (WSC)

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần giám định Worldcontrol được ĐHĐCD thông qua ngày 29/07/2020;*
- *Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol.*

Để đảm bảo minh bạch và chính xác trong Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, kinh trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

1. Các tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là tổ chức kiểm toán có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
- Là tổ chức có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán BCTC.
- Là tổ chức có năng lực phù hợp theo yêu cầu của WSC và quy định của Pháp luật.

2. Danh sách công ty kiểm toán độc lập lựa chọn:

- Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Thành Long.

Kinh trình ĐHĐCD chấp thuận danh sách các công ty kiểm toán nêu trên để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022 và đồng thời uỷ quyền cho HĐQT thực hiện lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 từ danh sách đã được ĐHĐCD thông qua.

Trân trọng kính trình/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Le Thi Lan

Số: 05/TTr-WSC-HĐQT

TP. HCM, ngày 12 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ cơ cấu tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/07/2020;*
- *Căn cứ nhu cầu hoạt động và tình hình thực tế tại Công ty WSC.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ cơ cấu tổ chức và hoạt động Công ty nhằm hoàn thiện phù hợp với các quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành và các quy định khác có liên quan với các nội dung chính như sau:

(*Chi tiết Bảng tổng hợp để xuất sửa đổi và bổ sung nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol đính kèm tờ trình này.*)

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HDQT.

Đính kèm:

- *Bảng tổng hợp để xuất sửa đổi và bổ sung nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol đính kèm tờ trình này.*
- *Dự thảo điều lệ*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lưu Thị Lan

BÀNG TỔNG HỢP
ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI VÀ BỎ SUNG NỘI DUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN WORLD CONTROL

TT	Điều khoản sửa đổi, bỏ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bỏ sung	Lý do sửa đổi, bỏ sung
1.	Điều 6 : quyền của cổ đông phổ thông	<p>Điểm d, khoản 1: Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật doanh nghiệp 2014;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:</p> <p>Điểm b, khoản 3: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.</p>	<p>Điểm d, khoản 1: Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây</p> <p>Điểm b, khoản 3: không còn quy định thời hạn.</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 115 – Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
2.	Điều 7 : Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông	<p>1. Thanh toán dù và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p> <p>Bổ sung khoản 5: Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>1. Thanh toán dù và đúng thời hạn 90 (chín mươi) ngày số cổ phần cam kết mua kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 119 – Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
3.	Điều 12 : Cổ phiếu	<p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây;</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 121 – Luật doanh</p>

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p> <p>b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);</p> <p>f) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>g) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p>	<p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p> <p>b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);</p> <p>f) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>g) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 122 – Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
4.	Điều 13 : Số đăng ký cổ đông		<p>3. Số đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung số đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 122 – Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

TT	Điều Khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán dù và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.	4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán dù và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.	Chỉnh sửa các số tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 124 - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14
5.	Điều 16 : Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.	5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty	Chỉnh sửa các số tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 127 - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14
6.	Điều 18 : Chuyển nhượng cổ phần	1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật doanh nghiệp. 7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông	1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp. 7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông	Chỉnh sửa các số tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 120 - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14
7.	Điều 19: Phát hành trái phiếu	1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật. 2. Công ty không thanh toán dù cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong	1. Công ty quyết định phương án chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định của Luật doanh nghiệp. 2. Công ty công bố thông tin trước mỗi đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và thông báo đợt chào bán cho sở giao dịch chứng	Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 129 - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p> <p>3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.</p> <p>5. Trường hợp công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần</p>	<p>khoản ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu.</p> <p>3. Công ty công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và thông báo kết quả đợt chào bán đến sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu.</p> <p>4. Trái phiếu phát hành riêng lẻ được chuyên nhượng giữa các nhà đầu tư đáp ứng điều kiện về đối tượng mua trái phiếu riêng lẻ quy định tại khoản 2 Điều 128 của Luật này, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, phần quyết của Trọng tài có hiệu lực hoặc thừa kế theo quy định pháp luật.</p> <p>5. Căn cứ quy định của Luật này và Luật Chứng khoán, Chính phủ quy định chi tiết về loại trái phiếu, hồ sơ, trình tự, thủ tục phát hành và giao dịch trái phiếu riêng lẻ; công bố thông tin; phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.</p>	<p>Chỉnh sửa các sở tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 134 - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
8.	Điều 22: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại		<p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật doanh nghiệp nếu ngày sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải</p>	<p>Chỉnh sửa các sở tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 134 - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

TT	Điều Khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	
9.	Điều 24 : Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại	Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại	Chỉnh sửa các só tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 136 - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14
10.	Điều 26 : Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Thông qua định hướng phát triển của công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; c) bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;	2. Đại hội đồng cổ quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Thông qua định hướng phát triển của công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; c) bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;	Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 138 - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14

TT	Điều Khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyên chào bán quy định tại điều lệ này;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vì phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thường và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;</p> <p>l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viễn đột lặp khi xét thay cản thiêt;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vì phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thường và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;</p> <p>l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viễn đột lặp khi xét thay cản thiêt;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 139 – Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
11.	Điều 27. Thủ tục và quy trình họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm;</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm;</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 139 – Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Mức cở sở đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>d) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Trường hợp không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp</p> <p>8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.</p>	<p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Mức cở sở đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>d) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Trường hợp không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>7. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại</p>	

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
12.	Điều 29. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền kiến nghị văn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, văn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này; b) Văn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. 	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền kiến nghị văn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, văn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Trường họp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này; b) Văn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. 	<p>Chỉnh sửa các số tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự, Dam bao tuan thu va phu hop voi dieu 142 – Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
13.	Điều 30. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời</p>	<p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời</p>	<p>Dam bao tuan thu va phu hop voi dieu 143 – Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp	1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu do Công ty phát hành) cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều này. Trưởng họp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Luật doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.	Danh bảo tuân thủ và phù hợp với điều 144 – Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14
		1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều này. Trưởng họp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Luật doanh nghiệp thì ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản.	Việc ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật về dân sự hoặc/và ủy quyền theo mẫu do Công ty phát hành (được gửi kèm tài liệu đại hội cho Cổ đông) khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp theo quy định.	Chỉnh sửa các só tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 145 - Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
15.	Điều 32. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 31. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
16.	Điều 36. Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cở đồng bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cở đồng	2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cở đồng, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cở đồng có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cở đồng gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp;	2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cở đồng, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cở đồng có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cở đồng gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp;	Chỉnh sửa các só tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 147 - Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
17.	Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng cở đồng.	i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thi biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp	i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thi biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp	Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 150 – Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14
18.	Điều 38. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cở đồng.	Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cở đồng hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cở đồng, nhóm cở đồng quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội	Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cở đồng hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cở đồng, nhóm cở đồng quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội	Chỉnh sửa các só tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 151 - Luật

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	doanh nghiệp 59/2020/QH14
19.	Điều 39. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp	1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp	Chỉnh sửa các só tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 152 - Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
20.	Điều 40. Hội đồng quản trị	3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, thi các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp, thi các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Chỉnh sửa các só tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 153 - Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
21.	Điều 42. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành	d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp; h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp	d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;	Chỉnh sửa các só tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 153 - Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
		1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh	Chỉnh sửa các só tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự,

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	viên Hội đồng quản trị	<p>nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</p> <p>d) Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha ruột, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con ruột, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bỏ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p> <p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p>	<p>a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, kinh nghiệm trong quản lý, ngành nghề kinh doanh hoặc lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p> <p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều theo điều 155 - Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
22.	Điều 43. Chủ tịch Hội đồng quản trị.		<p>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều theo</p>

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thi các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. 4. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cầm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều 156 - Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14	
23.	Điều 44. Cuộc họp Hội đồng quản trị.	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trưởng họp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;	7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường họp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trưởng họp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;	Dẫn bảo tuân thủ và phù hợp với điều 157- Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này. c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	<p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	
24.	Điều 45. Biên bản họp Hội đồng quản trị.	<p>2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 158-</p> <p></p>

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp; b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bắt khẩn kháng; c) Cố đơ từ chức; d) Trưởng hợp khác quy định pháp luật. <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bao đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp. 	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp; b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bắt khẩn kháng; c) Cố đơ từ chức và được chấp thuận; d) Trưởng hợp khác quy định pháp luật. <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bắt khẩn kháng; <p>Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều 134 của Luật doanh nghiệp; b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bao đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp. 	<p>Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p> <p>Chỉnh sửa các só tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự, Dam bảo nân thù và phù hợp với điều 160-</p> <p>Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
25.	Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bao đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp. 	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp; b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bắt khẩn kháng; c) Cố đơ từ chức và được chấp thuận; d) Trưởng hợp khác quy định pháp luật. <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bắt khẩn kháng; <p>Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều 134 của Luật doanh nghiệp; b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bao đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp. 	<p>Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	<p>ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	Chỉnh sửa các số tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo điều 164 - Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
26.	Điều 50. Công khai các lợi ích liên quan.	1. Công ty phải lập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;	1. Công ty phải lập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;	Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 165- Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
27.	Điều 51. Trách nhiệm của người quản lý công ty	2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đến bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.	Chỉnh sửa các số tham chiếu phù hợp, tương
28.	Điều 52. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội	1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty	1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân,	

TT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung hiện hành	Nội dung để nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	đồng quản trị, Giám đốc	<p>khỏi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp; b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị; c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	<p>trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật này; b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao; c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	<p>Đảm bảo tuân thủ và phù hợp với điều 166-Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
29.	Điều 58. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp		<p>I. Việc giải thể được thực hiện theo quy định tại điều 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214 của Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định khác của pháp luật.</p>	<p>Chỉnh sửa các số tham chiếu phù hợp, tương ứng thứ tự theo Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (năm 2020) và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Chúng tôi, gồm những cổ đông sáng lập có tên sau:

Số	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (đối với cổ đồng là cá nhân)	Quốc tịch	CMND (hoặc hộ chiếu, hoặc Giấy CN ĐKDN, hoặc QĐ thành lập)		Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức
				Số	Ngày, nơi cấp	
1	Lưu Thị Lan	30/08/1977	Việt Nam	022965779	18/08/2010 Tại Công An TP.HCM	- 26-28 Tầng 2, c/c 57-59 Đỗ Quang Đầu, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. HCM.
2	Phạm Thanh Hải	16/04/1976	Việt Nam	022931682	02/01/2004 Tại Công An TP.HCM	- 245/55/2 Bành Văn Trần, Phường 7, Q. Tân Bình, Tp.HCM
3	Tô Duy Sơn	03/02/1956	Việt Nam	040056000109	04/03/2016 Tại ĐKQL và DLQG	- D11A Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM.
4	Lưu Thị Huệ	26/08/1980	Việt Nam	038179009410	17/02/2017 Tại ĐKQL và DLQG	- 245/55/2 Bành Văn Trần, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp.HCM

- Cam kết không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, 3 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020, cùng nhau thống nhất điều lệ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL (dưới đây gọi tắt là Công ty) với những chương, điều, khoản sau:

CHƯƠNG I

TÊN, TRỤ SỞ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CON DẤU DOANH NGHIỆP

Điều 1. Tên, địa chỉ Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL

Tên bằng tiếng nước ngoài: WORLDCONTROL SURVEY CORPORATION

Tên viết tắt: WORLDCONTROL CORP

- Địa chỉ trụ sở chính: số 144/16 Võ Duy Ninh, Phường 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
 - Địa điểm kinh doanh: số 45 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
 - Văn phòng đại diện tại Hà Tĩnh: Nhà ông Đàm Văn Dương, tổ dân phố Lê Lợi, Phường Kỳ Liên, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.
 - Chi nhánh Vũng Tàu: 3/19 Nguyễn Thị Định, Phường 9, Thành Phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - Văn phòng đại diện tại Quy Nhơn: 29 Lưu Hữu Phước, Phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
 - Văn phòng đại diện tại Hải Phòng: Số 441 đường Đà Nẵng, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng.
 - Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng: Lô C12 -29 KDC Nam Cầu Cầm Lệ, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng.
- Điện thoại: 028.38.40.7495 Fax: 028.38.40.7496
- Email: info.contact@worldcontrol.vn

Điều 2. Ngành, nghề kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty đăng ký là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ giám định thương mại; tư vấn về chuyển giao công nghệ.	7490 (chính)
2.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3312
3.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3314

STT	Tên ngành	Mã ngành
4.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3315
5.	Sửa chữa thiết bị khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3319
6.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3320
7.	Phá dỡ	4311
8.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4520
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Môi giới, đại lý.	4610
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	4659
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh).	4669
13.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ dịch vụ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, môi giới thuê tàu biển và máy bay.	5229
14.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).	6619
15.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới, sản giao dịch bất động sản, định giá bất động sản.	6820
16.	Hoạt động tư vấn quản lý (tư vấn tài chính, kế toán)	7020
17.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình xây dựng DD&CN; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Hoạt động đo đạc bản đồ; Lập dự án đầu tư; Lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng; Tư vấn đấu thầu; Quản lý	7110

STT	Tên ngành	Mã ngành
	dự án đầu tư xây dựng công trình; Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;	
18.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
19.	Quảng cáo	7310
20.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
21.	Cho thuê xe có động cơ.	7710
22.	Cho thuê xe máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị văn phòng.	7730
23.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính Chi tiết: cho thuê thương hiệu	7740
24.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
25.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: dịch vụ trừ mối, côn trùng (dịch vụ xông hơi, khử trùng).	8129
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Theo điều lệ này, Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật.

- Bà : Lưu Thị Lan Nam/nữ: Nữ
 - Sinh ngày: 30/08/1977 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
 - CMND số: 022965779 Ngày cấp: 18/08/2010
 - Nơi cấp: Công an TP. Hồ Chí Minh
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 26-28 Tầng 2, chung cư 57-59 Đỗ Quang Đẩu, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
 - Chỗ ở hiện tại: 144/16 Võ Duy Ninh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của công ty là: 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*)
- Số vốn này được chia thành: 180.000 cổ phần (*Một trăm tám mươi ngàn*)
- Mệnh giá mỗi cổ phần : 10.000VNĐ (*Mười ngàn đồng Việt Nam*)

Trong đó:

- + Cổ phần phổ thông: 180.000 cổ phần (*Một trăm tám mươi ngàn*), trị giá: 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*);
- + Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần.
- + Số cổ phần dự kiến chào bán: 0 cổ phần.

Các cổ đông sáng lập góp vốn cụ thể như sau:

STT	Tên cổ đông góp vốn	VỐN GÓP						Thời điểm góp vốn	
		Tổng số cổ phần		Loại cổ phần					
		Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Phổ thông		Ưu đãi			
1	Lưu Thị Lan	72.000	720	72.000	720	00	00	01/04/2015	
2	Phạm Thanh Hải	72.000	720	72.000	720	00	00	01/04/2015	
3	Lưu Thị Huệ	27.000	270	27.000	270	00	00	31/05/2018	
4	Tô Duy Sơn	9.000	90	9.000	90	00	00	31/05/2018	
Tổng số		180.000	1.800	180.000	1.800	00	00		

Điều 5. Cổ phần

1. Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông;
2. Công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
 - Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
 - Cổ phần ưu đãi cổ tức;

- Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
 - Cổ phần ưu đãi khác .
3. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
 5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Quyền của Cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp 2020;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:
 - a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị;
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;
 - c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
 - d. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Việc để cử người vào Hội đồng quản trị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
 5. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 7. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
4. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 8. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập:

1. Công ty cổ phần mới thành lập phải có ít nhất 03 cổ đông sáng lập; công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập.

- Trường hợp không có cổ đông sáng lập, Điều lệ công ty trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc các cổ đông phổ thông của công ty đó.
- 2. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp.
- 3. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.
- 4. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty.

Điều 9. Cổ phần ưu đãi biểu quyết:

- 1. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông, số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết là 2/1;
- 2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:
 - a. Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
- 3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.

Điều 10. Cổ phần ưu đãi cổ tức:

- 1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thường, cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.
- 2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:
 - a. Nhận cổ tức theo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản;
 - c. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 11. Cổ phần ưu đãi hoàn lại

- Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 12. Cổ phiếu

- Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);
 - Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
- Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
- Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thi phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
 - Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
- Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu

cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông

- Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
- Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - a) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - c) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
- Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
- Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ.

Điều 14. Chào bán cổ phần

- Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
- Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
 - Chào bán ra công chúng;
 - Chào bán cổ phần riêng lẻ.
- Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 15. Chào bán cổ phần riêng lẻ

Việc chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng được quy định như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định chào bán cổ phần riêng lẻ, công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần riêng lẻ với Cơ quan đăng ký kinh doanh. Kèm theo thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ phải có các tài liệu sau đây:
 - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ;
 - Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có);
- Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ bao gồm các nội dung sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Tổng số cổ phần dự định chào bán; các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại;
 - Thời điểm, hình thức chào bán cổ phần;
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
- Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của Cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 16. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty.
- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng được thực hiện như sau:

- Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo

phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

- a) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
3. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thi Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.
4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

Điều 17. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do công ty quy định.

Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.
- Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.
- Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 19. Phát hành trái phiếu

- Công ty quyết định phương án chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Công ty công bố thông tin trước mỗi đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và thông báo đợt chào bán cho sở giao dịch chứng khoán ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu.
- Công ty công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và thông báo kết quả đợt chào bán đến sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu.
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ được chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư đáp ứng điều kiện về đối tượng mua trái phiếu riêng lẻ quy định tại khoản 2 Điều 128 của Luật này, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, phán quyết của Trọng tài có hiệu lực hoặc thừa kế theo quy định pháp luật.
- Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, Chính phủ quy định chi tiết về loại trái phiếu, hồ sơ, trình tự, thủ tục phát hành và giao dịch trái phiếu riêng lẻ; công bố thông tin; phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

Điều 20. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

- Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường, hoặc giá do Hội đồng quản trị quyết định, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 21. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
- Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 22. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật doanh nghiệp nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần

được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 23. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.
 - Cổ tức có thể thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
 - a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;

- b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
 - c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - d) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 122, 123 và 124 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 24. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương III TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 25. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của công ty

- Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Giám đốc Công ty là người đại diện pháp luật;
 - + Ban Giám đốc;
 - + Kế toán trưởng;
 - + Các phòng ban, chuyên môn, nghiệp vụ;
 - + Chi nhánh;
 - + Văn phòng đại diện;

Điều 26. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ này;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thường và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty

Điều 27. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Mức cỗ tức đối với mỗi cỗ phần của từng loại;
 - d) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.
- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
5. Trường hợp không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
6. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

7. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 28. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Pháp luật.

Điều 29. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 30. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo được gửi bằng phương thức báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của pháp luật.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b) Phiếu biểu quyết;
 - c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 31. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu do Công ty phát hành) cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật về dân sự hoặc/ và ủy quyền theo mẫu do Công ty phát hành (được gửi kèm tài liệu đại hội cho Cổ đông) khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp theo quy định.
2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bô phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 32. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

Điều 33. Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì để cử người đại diện điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
5. Đại hội đồng thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thé biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thé biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành,

không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trực xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp can trở, gây rối trật tự, có nguy cơ lâm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 34. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Định hướng phát triển công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Tô chức lại, giải thể công ty.

Điều 35. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - d) Tô chức lại, giải thể công ty;
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu đòn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền đòn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 36. Thủ tục và thời hạn lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thủ tục và thời hạn lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
 - Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 - Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 38. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 39. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 40. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cỗ tức được trả; quyết định thời hạn và thù tục trả cỗ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 41. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 03 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 02.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Trường hợp công ty cổ phần được tổ chức quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp thì các giấy tờ, giao dịch của công ty phải ghi rõ "thành viên độc lập" trước họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị tương ứng.

Điều 42. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 43. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.
4. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu

một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 44. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.
3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - b) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
 - Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về

những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 - Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 45. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - d) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỉ lệ thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
- Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 - Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
 - 3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 46. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
- 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d) Trường hợp khác quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp.
- Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 48. Giám đốc công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật doanh nghiệp.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g) Tuyên dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 49. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

- Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, di lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 50. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
- a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
 - c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định pháp luật.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 51. Trách nhiệm của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
 - c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

Điều 52. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
 - Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp;
 - Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 54. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

- Tranh chấp giữa các cổ đông trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải;
- Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Toà án hoặc Trọng tài kinh tế.

Chương IV

THỐNG KÊ, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Năm tài chính

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 tròn hàng năm.
- Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31/12 của năm đó.

Điều 56. Phân phối lợi nhuận, lập quỹ và nguyên tắc chịu lỗ trong kinh doanh

- Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, Công ty phải trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau khi đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định như sau:

- a) Quỹ dự phòng : trích 5% lãi ròng cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ.
 - b) Quỹ khen thưởng phúc lợi xã hội : 5% lãi ròng.
 - c) Quỹ phát triển: 10% lãi ròng.
 - d) Quỹ bảo hiểm: 5% lãi ròng.
2. Số lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ nêu trên được chia cho các cổ đông theo số cổ phần nắm giữ (trả cổ tức).
 3. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo giải pháp. Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

Chương V GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP

Điều 57. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo quyết định của của Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bao gồm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 58. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp

1. Việc giải thể được thực hiện theo quy định tại điều 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214 của Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định khác của pháp luật.
2. Quyết định giải thể của doanh nghiệp được doanh nghiệp đăng báo trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba sổ liên tiếp.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Nguyên tắc áp dụng điều lệ Công ty

1. Những vấn đề khác có liên quan không nêu trong điều lệ này thì được thực hiện theo luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.
2. Trường hợp pháp luật có quy định khác với nội dung trong điều lệ này thì thực hiện các quy định của pháp luật.

Điều 60. Thủ thức sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty:

- Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản điều lệ này sẽ do Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.
- Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Hội đồng quản trị.
- Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Hội đồng quản trị sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi.

Điều 61. Điều khoản cuối cùng

- Bản điều lệ này đã được cổ đông xem xét phê duyệt nội dung thay đổi và thông qua ban hành bản Điều lệ này.
- Bản điều lệ này gồm 6 chương 61 điều, lưu trữ tại trụ sở công ty.
- Mọi sao chép phải được ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của Giám đốc công ty./..

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

